

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT,
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ
PTM**

Báo cáo Tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

đã được soát xét

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	02 – 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05 – 27
Bảng cân đối kế toán	05 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 27

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

CÔNG TY

Công ty CP Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM tiền thân là Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và Máy CNC là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất.

Trụ sở chính của Công ty tại số 256 – Kim Giang – Hoàng Mai – Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Văn Vũ	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 11/04/2013)
Ông Nguyễn Đức Minh	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 11/04/2013)
Ông Đỗ Tiến Dũng	Phó Chủ tịch
Bà Tạ Thị Ngọc Thanh	Ủy viên
Ông Vũ Quang Huy	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 11/04/2013)
Ông Vũ Ngọc Hiến	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 11/04/2013)
Ông Phan Văn Đạo	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 11/04/2013)
Bà Trần Thị Kim Quế	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 11/04/2013)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Quang Huy	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Bảo Hiền	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 11/04/2013)
Ông Bùi Toàn Thắng	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 11/04/2013)
Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh	Ủy viên
Bà Lê Thị Thúy Hằng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 11/04/2013)
Bà Trần Thị Bảo Hiền	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 11/04/2013)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tổng Giám đốc

Vũ Quang Huy

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2013

Số :/2013/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO

KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM tại ngày 30/06/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2013-002-1
Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2013

Hoàng Thúy Nga
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0762-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		27.724.763.296	30.382.651.179
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.802.836.812	10.937.908.921
111	1. Tiền		3.802.836.812	937.908.921
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	10.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	4.450.000.000	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		4.450.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.689.864.841	4.946.156.877
131	1. Phải thu khách hàng		3.099.505.372	6.576.133.749
132	2. Trả trước cho người bán		47.187.486	151.561.060
135	3. Các khoản phải thu khác	5	2.473.591.930	98.882.015
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(930.419.947)	(1.880.419.947)
140	IV. Hàng tồn kho	6	14.318.323.852	13.851.722.808
141	1. Hàng tồn kho		14.441.561.672	13.974.960.628
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(123.237.820)	(123.237.820)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		463.737.791	646.862.573
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		116.101.100	172.560.081
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		286.754.186	403.336.256
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	56.966.236	56.966.236
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		3.916.269	14.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		12.141.901.658	13.105.218.280
220	I. Tài sản cố định		5.669.072.850	6.383.358.886
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	5.669.072.850	6.383.358.886
222	- Nguyên giá		8.015.554.310	8.466.364.404
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.346.481.460)	(2.083.005.518)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	5.533.859.979	5.533.859.979
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		7.500.000.000	7.500.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác		132.000.000	132.000.000
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(2.098.140.021)	(2.098.140.021)
260	III. Tài sản dài hạn khác		938.968.829	1.187.999.415
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	924.968.829	1.187.999.415
268	2. Tài sản dài hạn khác		14.000.000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		39.866.664.954	43.487.869.459

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		1.398.807.269	4.889.463.321
310	I. Nợ ngắn hạn		1.398.807.269	4.889.463.321
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	1.320.000.000
312	2. Phải trả người bán		899.754.139	1.828.263.706
313	3. Người mua trả tiền trước		84.029.400	1.342.944.250
315	4. Phải trả người lao động		3.042.358	-
316	5. Chi phí phải trả	11	211.665.927	55.400.000
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	12	187.054.697	329.594.617
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		13.260.748	13.260.748
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		38.467.857.685	38.598.406.138
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	38.467.857.685	38.598.406.138
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		42.000.000.000	42.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		20.000.000	20.000.000
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		91.265.975	91.265.975
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		31.656.505	31.656.505
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.675.064.795)	(3.544.516.342)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		39.866.664.954	43.487.869.459

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
		VND	VND
1. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		2.574.342.650	-

Vũ Quang Huy
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2013

Ngô Thu Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	14.983.573.208	9.204.335.334
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.983.573.208	9.204.335.334
11	4. Giá vốn hàng bán	15	14.686.992.823	8.467.161.051
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		296.580.385	737.174.283
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	259.174.508	905.928.782
22	7. Chi phí tài chính		1.030.000	17.125.000
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>1.030.000</i>	<i>17.125.000</i>
24	8. Chi phí bán hàng		29.543.636	39.968.317
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	652.575.819	993.491.025
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(127.394.562)	592.518.723
31	11. Thu nhập khác		734.458	390.909.144
32	12. Chi phí khác		3.888.349	363.268.655
40	13. Lợi nhuận khác		(3.153.891)	27.640.489
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(130.548.453)	620.159.212
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18	-	7.943.072
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(130.548.453)	612.216.140
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19	(31)	146

Vũ Quang Huy
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2013

Ngô Thu Hằng
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		23.849.536.809	11.873.628.732
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(22.858.551.799)	(12.544.228.072)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(2.092.830.674)	(1.053.376.357)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(56.430.000)	(17.125.000)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		50.070.122	14.185.364
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(470.196.075)	(335.192.519)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.578.401.617)	(2.062.107.852)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(17.825.000)	(16.425.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(23.450.000.000)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		19.000.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		231.154.508	720.878.141
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4.236.670.492)	704.453.141
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	3.100.000.000
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.320.000.000)	(2.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.320.000.000)	1.100.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(7.135.072.109)	(257.654.711)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		10.937.908.921	16.790.691.743
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	3.802.836.812	16.533.037.032

Vũ Quang Huy

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2013

Ngô Thu Hằng

Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM tiền thân là Công ty Cổ phần Khuôn mẫu chính xác và Máy CNC là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất. Công ty được thành lập theo Biên bản thỏa thuận thành lập công ty cổ phần Khuôn mẫu chính xác và nhựa kỹ thuật ngày 22 tháng 02 năm 2000 giữa Viện máy và dụng cụ công nghiệp Việt Nam, công ty TNHH Trảng An và công ty nhựa Thiếu niên Tiền phong.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 256 - Kim Giang - Hoàng Mai - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 42.000.000.000 VND (*Bốn mươi hai tỷ đồng chẵn*). Tương đương 4.200.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Thông tin về các công ty liên doanh của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 9.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101116000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 03 năm 2001, thay đổi lần 10 ngày 17 tháng 05 năm 2013 hoạt động chính của Công ty là:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng ô tô và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: hoạt động môi giới thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất vật liệu mới, nhựa composit;
- Sản xuất vật tư, máy, các thiết bị công nghiệp và hàng cơ khí tiêu dùng, sản xuất máy công cụ;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa kỹ thuật;
- Gia công kim loại;
- Sản xuất nhôm;
- Sản xuất máy công cụ, máy điều khiển CNC;
- Sản xuất khuôn mẫu chính xác cho ngành nhựa;
- Kinh doanh vật tư, máy, các thiết bị công nghiệp và hàng cơ khí tiêu dùng, kinh doanh máy công cụ, máy điều khiển CNC;
- Kinh doanh khuôn mẫu chính xác cho ngành nhựa, kinh doanh các sản phẩm nhựa kỹ thuật;

- Lắp ráp máy công cụ;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm; Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, Công ty đẩy mạnh các hoạt động sửa chữa, cho thuê xe, thu phí hoa hồng bảo hiểm. Lợi nhuận thu được từ các hoạt động này chiếm 85% lợi nhuận của Công ty.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

2.3. Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm **cuối kỳ** là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 10-20 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05-10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03-05 năm |

Trong kỳ Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm kể từ ngày 01/07/2013.

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm **cuối kỳ** là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

2.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, có thông báo của Hội đồng quản trị và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	730.001.466	443.433.707
Tiền gửi ngân hàng	3.072.835.346	494.475.214
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
	<u>3.802.836.812</u>	<u>10.937.908.921</u>

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	4.450.000.000	-
- Cho bà Ngô Thu Hằng vay (1)	2.400.000.000	-
- Cho bà Phạm Thị Nhung vay (2)	2.050.000.000	-
	<u>4.450.000.000</u>	<u>-</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản đầu tư ngắn hạn:

(1): Hợp đồng số 0204/HĐT/2013 ngày 02/04/2013, kỳ hạn 4 tháng, lãi suất 0,9%/tháng.

(2): Hợp đồng số 0604/HĐT/2013 ngày 06/04/2013, kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 0,9%/tháng.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Phải thu bảo hiểm CBNV	18.260.430	11.882.015
Phải thu về lãi tiền gửi có kỳ hạn	115.020.000	87.000.000
Phải thu bà Chu Thị Tú Hạnh (*)	2.340.311.500	-
	<u>2.473.591.930</u>	<u>98.882.015</u>

(*): Là khoản ứng trước cho bà Chu Thị Tú Hạnh khi Công ty nhận xe ký gửi để bán.

6. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.021.774.512	5.303.946.195
Công cụ, dụng cụ	96.053.221	98.553.221
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	268.779.289	268.779.289
Thành phẩm	826.271.163	826.271.163
Hàng hoá	8.228.683.487	7.477.410.760
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(123.237.820)	(123.237.820)
	14.318.323.852	13.851.722.808

(*): Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là máy cán giấy và chế tạo trục vít, do Công ty chế tạo từ năm 2008 theo yêu cầu của khách hàng, do không thống nhất về khuôn mẫu nên đến nay vẫn chưa hoàn thành.

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.603.377	56.603.377
Thuế thu nhập cá nhân	362.859	362.859
	56.966.236	56.966.236

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	6.317.086.555	1.988.863.943	160.413.906	8.466.364.404
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	(326.212.188)	(124.597.906)	(450.810.094)
- Giảm khác (*)		(326.212.188)	(124.597.906)	(450.810.094)
Số dư cuối kỳ	6.317.086.555	1.662.651.755	35.816.000	8.015.554.310
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	1.576.927.649	345.663.963	160.413.906	2.083.005.518
Số tăng trong kỳ	285.835.667	220.974.000	-	506.809.667
- Khấu hao trong kỳ	285.835.667	220.974.000	-	506.809.667
Số giảm trong kỳ	-	(118.735.819)	(124.597.906)	(243.333.725)
- Giảm khác (*)	-	(118.735.819)	(124.597.906)	(243.333.725)
Số dư cuối kỳ	1.862.763.316	447.902.144	35.816.000	2.346.481.460
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	4.740.158.906	1.643.199.980	-	6.383.358.886
Tại ngày cuối kỳ	4.454.323.239	1.214.749.611	-	5.669.072.850

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 160.413.906 VND.

(*): TSCĐ giảm trong kỳ do không đủ điều kiện là Tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh	7.500.000.000	7.500.000.000
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị kỹ thuật số	7.500.000.000	7.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	132.000.000	132.000.000
Đầu tư góp vốn vào Công ty CP Thực phẩm Thương mại Kim Hoa	132.000.000	132.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(2.098.140.021)	(2.098.140.021)
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị kỹ thuật số	(2.098.140.021)	(2.098.140.021)
	5.533.859.979	5.533.859.979

Đầu tư vào công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về công ty liên doanh của Công ty vào ngày 30/06/2013 như sau:

Tên công ty liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị kỹ thuật số	Hà Nội	50%	50%	Cơ khí

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.187.999.415	1.566.871.822
Số tăng trong kỳ	265.848.642	225.859.573
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(516.995.895)	(348.459.726)
Giảm khác	(11.883.333)	-
Số dư cuối kỳ	924.968.829	1.444.271.669

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền thuê đất phân bổ dần	286.742.564	348.187.399
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	543.050.456	729.792.681
Chi phí trả trước dài hạn khác	95.175.809	110.019.335
	924.968.829	1.187.999.415

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	-	55.400.000
Chi phí thuê văn phòng tháng 6	211.665.927	-
	211.665.927	55.400.000

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	21.127.778	60.062.445
Bảo hiểm xã hội	122.983.704	187.007.239
Bảo hiểm y tế	-	12.214.301
Phụ cấp phải trả Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	31.200.000	62.400.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.743.215	7.910.632
	<u>187.054.697</u>	<u>329.594.617</u>

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	42.000.000.000	20.000.000	91.265.975	31.656.505	(619.586.926)	41.523.335.554
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	612.216.140	612.216.140
Số dư cuối kỳ trước	42.000.000.000	20.000.000	91.265.975	31.656.505	(7.370.786)	42.135.551.694
Số dư đầu năm nay	42.000.000.000	20.000.000	91.265.975	31.656.505	(3.544.516.342)	38.598.406.138
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	(130.548.453)	(130.548.453)
Số dư cuối kỳ này	42.000.000.000	20.000.000	91.265.975	31.656.505	(3.675.064.795)	38.467.857.685

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Công ty TNHH MTV Viện máy và Dụng cụ công nghiệp	6.042.000.000	14,39%	6.042.000.000	14,39%
Bà Vũ Thị Hạnh	5.138.170.000	12,23%	5.138.170.000	12,23%
Bà Tạ Thị Ngọc Thanh	3.957.750.000	9,42%	3.957.750.000	9,42%
Ông Hoàng Đức Hùng	2.977.000.000	7,09%	2.977.000.000	7,09%
Bà Trần Thị Ngọc Tuyết	2.621.460.000	6,24%	2.621.460.000	6,24%
Ông Vũ Quang Huy	2.500.000.000	5,95%	2.500.000.000	5,95%
Bà Nguyễn Thu Hà	2.300.000.000	5,48%	2.300.000.000	5,48%
Vốn góp của đối tượng khác	16.463.620.000	39,20%	16.463.620.000	39,20%
Cộng	42.000.000.000	100,00%	42.000.000.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	42.000.000.000	42.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	42.000.000.000	42.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	42.000.000.000	42.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.200.000	4.200.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.200.000	4.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	91.265.975	91.265.975
Quỹ dự phòng tài chính	31.656.505	31.656.505

14. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	7.789.643.636	6.128.636.364
Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa	6.881.420.548	2.548.568.385
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê xe	158.333.636	527.130.585
Doanh thu hoa hồng bảo hiểm	154.175.388	-
	14.983.573.208	9.204.335.334

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	7.746.049.209	5.609.347.197
Giá vốn của dịch vụ sửa chữa	6.940.943.614	2.857.813.854
	14.686.992.823	8.467.161.051

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	253.885.934	905.928.782
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.288.574	-
	259.174.508	905.928.782

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	92.672.665	160.105.523
Chi phí nhân công	349.578.832	409.238.674
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.538.624	123.709.104
Chi phí dịch vụ mua ngoài	194.026.794	1.719.500
Thuế, phí, lệ phí	5.749.707	7.240.833
Dự phòng phải thu khó đòi	(950.000.000)	42.144.356
Chi phí khác bằng tiền	863.009.197	249.333.035
	652.575.819	993.491.025

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(130.548.453)	620.159.212
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(588.386.926)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	31.200.000
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	(619.586.926)
Tổng lợi nhuận kế toán tính thuế	(130.548.453)	31.772.286
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	7.943.072
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	7.943.072
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	(7.943.072)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	-

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(130.548.453)	612.216.140
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(130.548.453)	612.216.140
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.200.000	4.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(31)	146

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.761.714.605	1.439.295.395
Chi phí nhân công	2.187.355.164	686.738.297
Chi phí khấu hao tài sản cố định	506.809.667	928.769.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	195.826.794	50.974.389
Chi phí khác bằng tiền	986.254.047	830.405.215
	7.637.960.277	3.936.182.640

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.802.836.812	-	10.937.908.921	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.573.097.302	(930.419.947)	6.675.015.764	(1.880.419.947)
Các khoản cho vay	4.450.000.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	132.000.000	-	132.000.000	-
	13.957.934.114	(930.419.947)	17.744.924.685	(1.880.419.947)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	1.320.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	1.086.808.836	2.157.858.323
Chi phí phải trả	211.665.927	55.400.000
	1.298.474.763	2.213.258.323

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.802.836.812	-	3.802.836.812
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.642.677.355	-	4.642.677.355
Các khoản cho vay	4.450.000.000	-	4.450.000.000
Đầu tư dài hạn	-	132.000.000	132.000.000
Cộng	12.895.514.167	132.000.000	13.027.514.167
Tại ngày 01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.937.908.921	-	10.937.908.921
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.794.595.817	-	4.794.595.817
Đầu tư dài hạn	-	132.000.000	132.000.000
Cộng	15.732.504.738	132.000.000	15.864.504.738

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2013		
Phải trả người bán, phải trả khác	1.086.808.836	1.086.808.836
Chi phí phải trả	211.665.927	211.665.927
	1.298.474.763	1.298.474.763
Tại ngày 01/01/2013		
Vay và nợ	1.320.000.000	1.320.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	2.157.858.323	2.157.858.323
Chi phí phải trả	55.400.000	55.400.000
	3.533.258.323	3.533.258.323

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

22. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ban hành vào ngày 11 tháng 04 năm 2013, ông Đỗ Văn Vũ được bổ nhiệm là Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế cho ông Nguyễn Đức Minh.

23. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu- theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động bán ô tô VND	Hoạt động dịch vụ VND	Tổng cộng VND
Lợi nhuận từ bán hàng ra bên ngoài	43.594.427	252.985.958	296.580.385
Lợi nhuận từ hoạt động KD	43.594.427	252.985.958	296.580.385
Tài sản bộ phận	5.860.011.326	34.006.653.628	39.866.664.954
Tổng tài sản	5.860.011.326	34.006.653.628	39.866.664.954
Nợ phải trả của các bộ phận	205.611.040	1.193.196.229	1.398.807.269
Tổng nợ phải trả	205.611.040	1.193.196.229	1.398.807.269

Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ doanh thu trong năm của đơn vị phát sinh trên địa bàn miền Bắc Việt Nam.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Mua nguyên vật liệu			
Công ty CP Máy và Thiết bị kỹ thuật số	Công ty liên doanh	559.348.000	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Phải thu			
Công ty CP Máy và Thiết bị kỹ thuật số	Công ty liên doanh	876.318.000	2.984.440.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	103.200.000	78.110.030

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC) kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Vũ Quang Huy

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2013

Ngô Thu Hằng

Người lập biểu